TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày: 12-3-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Thi;

2. Ông Huỳnh Văn Hiếu.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 121/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị Bé L, sinh ngày 07/02/1995, nơi sinh huyện TB, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 28, khóm 3, phường N, thành phố K, tỉnh An Giang (nơi đã cư trú: ấp Mỹ Thiện, xã Mỹ Đức, huyện CP, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: không xác định; mẹ bà Trần Thị Mỹ MH (đã chết); chồng Trần Văn TC, sinh năm 1999, có 04 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017;

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố K, kết án 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tổng hợp hình phạt với bản án ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An giang kết án 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo phải chấp hành 03 năm tù.

Về nhân thân: Ngày 15/10/2019, Tòa án nhân dân huyện TB, kết án 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Tổng hợp hình phạt các bản án, bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/5/2019 đến ngày 04/7/2019 được tại ngoại, nay vắng mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Trịnh Văn T (sinh năm 1954, đã chết); địa chỉ: tổ 13, khóm 2, phường N, thành phố K, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp ông Trịnh Văn T: ông Trịnh Văn VL, sinh năm 1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Long Thị C, xã B, thị xã U, tỉnh An Giang (đại diện theo pháp luật).

- Ông Huỳnh VA, sinh năm 1967, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 17, khóm Vĩnh Chánh 3, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Thanh TN, sinh năm 1982, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 02, khóm X, phường N, thành phố K, tỉnh An Giang.

- Ông Chau Kim G, sinh năm 1974, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 06, khóm V, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh An Giang.

Người tham gia tố tụng khác:

- Ông Bùi Văn L, sinh năm 1969.

- Bà Võ Thị Thanh N, sinh năm 1955.

- Bà Phan Thị Thùy M, sinh năm 1982.

- Bà Trần Thị Bạch H, sinh năm 1978.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/5/2019, do cần tiền tiêu xài trong thời gian mang thai, Trần Thị Bé L giả vờ đến gặp Trịnh Văn T, xin ở tạm tại Chốt bảo vệ Dân phố (bỏ trống, không sử dụng) tại tổ 12, khóm 2, phường N, thành phố K, T đồng ý. Khoảng 06 giờ ngày 24/5/2019, L và T cùng nhau đi ăn sáng, L thấy T có vẻ mệt mỏi, nên lấy 01 viên thuốc ngủ (loại viên nén, 03 khía), giả giờ đưa cho T uống, khi trở về nơi nghỉ, thấy T ngủ mê, L chiếm đoạt xe môt tô biển số 67N-8884 của T, điều khiển xe đến huyện TB, tỉnh An Giang, nhờ Chau Kim G đưa sang Campuchia cầm cho người đàn ông (không biết tên, địa chỉ), lấy 2.600.000 đồng, tiêu xài cá nhân. Khi T tỉnh ngủ, phát hiện bị chiếm đoạt xe nên trình báo Cơ quan công an. Đến ngày 25/5/2019, T chết do bệnh lý tim phổi cấp tính nền mạn tính.

Ngày 26/5/2019, Trần Thị Bé L đến Công an đầu thú, nhờ Chau Kim G chuộc xe, trả lại cho gia đình T.

Quá trình điều tra, còn xác định: Khoảng 21 giờ, ngày 16/3/2019, Trần Thị Bé L giả vờ thuê Huỳnh VA điều khiển xe mô tô, biển số 68F1-160-37 (biển

số mới), chở L đi từ thành phố K đến xã Mỹ Đức, huyện CP. Trên đường đi, L dẫn dụ VA đến thuê phòng trọ tại nhà nghỉ "Yến Oanh" thuộc tổ 06, khóm CL, phường M, thành phố K. Khi vào phòng trọ, L lấy viên thuốc ngủ (loại viên nén 3 khía), cà nhuyễn, pha trộn vào lon bia, đưa cho VA uống, thấy VA ngủ mê, L chiếm đoạt 700.000 đồng và xe môt tô của VA đem đến phường X, thành phố K bán cho Lê Thanh TN được 19.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân. Khi VA tỉnh ngủ, phát hiện bị chiếm đoạt tiền và xe nên trình báo Công An. Sau khi mua xe, Nhã đăng ký thay đổi chủ sở hữu, giấy xe số 019993, mang tên Lê Thanh TN, được cấp biển số mới là 67E1-312.08;

Vật chứng thu giữ:

- Xe môt tô, biển số 67N-888.4, do Chau Kim G giao nộp (đã trả lại cho Trịnh Văn T, có con ruột Trịnh Văn VL là người đại diện hợp pháp của bị hại T nhận);

- Xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Future Neo Fi, biển số 67E1-312.08 (biển số cũ 68F1-160.37), do Lê Thanh TN giao nộp; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 019993 tên Trần Thanh Nhã (tất cả đã trả lại cho bị hại Huỳnh VA);

- 01 bản photo giấy chứng minh nhân dân số 351980187 tên Trần Thị Thúy Yên;

Căn cứ các kết luận định giá tài sản số 48/KL-ĐG ngày 21/12/2018, số 206 ngày 30/5/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố K, ghi nhận: Xe mô tô, nhãn hiệu FUSKU, màu đen, biển số 67N6-8884, trị giá 2.500.000 đồng; Xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Future Neo Fi, biển số 67E1-312.08 (biển số cũ 68F1-160.37), trị giá 20.000.000 đồng;

Căn cứ kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số 84/19/TT ngày 26/5/2019 của Trung tâm pháp y, kết luận nguyên nhân chết của Trịnh Văn T: nhồi máu cơ tim cấp – phù cấp tính/bệnh lý tim phổi mạn tính;

Căn cứ kết luận giám định pháp y về mô bệnh học số 89/19/MBH ngày 13/6/2019 của phân viện pháp y Quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh, đối với Trịnh Văn Biết: Thiểu dưỡng cơ tim cấp tính trên nền sơ hóa mạch máu; sung huyết và phù phổi cấp; não phù và sung huyết; gan sung huyết và thoái hóa mỡ;

Căn cứ kết luận giám định pháp y về hóa pháp số 190/187/210/2019/HP ngày 05/6/2019 của phân viện pháp y Quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh, ghi nhận: Mẫu phủ tạng của Trịnh Văn T, sinh năm 1954, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K, tỉnh An Giang gửi giám định ngày 29/5/2019: Có tìm thấy Bromazepam; Không tìm thấy các chất độc thường gặp khác kể trên;

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Châu Đốc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Thị Bé L, ngày 26/5/2019 tạm giam L. Do L đang mang thai, nên cho tại ngoại, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Quá trình điều tra và truy tố, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng

có lời khai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ông Lê Thanh TN yêu cầu bị cáo có trách nhiệm trả cho ông số tiền 19.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKS-CĐ ngày 04/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Trần Thị Bé L về tội "*Cướp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đều vắng mặt.

Thay mặt Hội đồng xét xử, Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm chứng tại phiên tòa. Trong đó, kết luận giám định pháp y về tử thi xác định ông T chết do nhồi máu cơ tim cấp – phù phổi cấp tính/bệnh lý tim phổi mạn tính. Kết luận giám định pháp y về hóa pháp xác định có tìm thấy Bromazepam, không tìm thấy các chất độc thường gặp khác.

Từ đó có đủ căn cứ chứng minh: Trần Thị Bé L đã có hành vi sử dụng thuốc ngủ cho chủ sở hữu tài sản uống để chiếm đoạt 02 xe mô tô và tài sản khác trị giá 23.200.000 đồng, bán, tiêu xài cá nhân, thủ đoạn phạm tội là dùng thuốc ngủ thông thường, số lượng ít nên không thuộc trường hợp "sử dụng thủ đoạn nguy hiểm" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bản thân bị cáo có 01 tiền án ngày 22/11/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố K kết án về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; bị cáo 02 lần thực hiện hành vi phạm tội và đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình T tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" và "Phạm tội 02 lần trở lên".

Tuy nhiên, quá trình điều tra, bị cáo tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; phạm tội khi có thai; thành khẩn khai báo; tự thú và đầu thú hành vi phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, n, r, s khoản 1, khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 53; Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 06 (sáu) năm tù về tội "Cướp tài sản".

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Tổng hợp hình phạt với Bản án số 36/2019/HSST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện TB để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Về xử lý vật chứng: Số vật chứng thu giữ trong vụ án đã giao trả cho bị hại, người đại diện cho bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả cho Lê Thanh TN 19.000.000 đồng.

Đối với Chau Kim G và Lê Thanh TN có hành vi mua, bán các xe mô tô với Trần Thị Bé L nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có, tuy không xử lý nhưng cần giao dụng công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố K, tội phạm thực hiện thuộc khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

[1.2] Về hành vi tố tụng: Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành Châu Đốc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.3] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Đối với bị cáo: Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị cáo L đã bỏ trốn, nên Tòa án có công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K Quyết định truy nã. Do hết thời hạn chuẩn bị xét xét xử, nên Tòa án tạm đình chỉ vụ án; ngày 07/02/2020, Tòa án ban hành văn bản yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K cho biết về kết quả truy nã đối với bị cáo Trần Thị Bé L, sinh ngày 07/02/1985. Tại Công văn số 142/CV-CQCSĐT ngày 14/02/2020 của Công an thành phố K, cho biết Quyết định truy nã bị cáo Trần Thị Bé L, sinh năm 1985, đến nay vẫn chưa có kết quả; Tòa án ban hành Quyết định số 01/2020/HSST-QĐ ngày 27/02/2019 về việc phục hồi vụ án, đồng thời Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020. Do không tống đạt được Quyết định cho bị cáo L và việc truy nã không có kết quả nên Tòa án tiến xét xử vắng mặt bị cáo L là đúng quy định pháp luật hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử.

Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 290, 292 và 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hành vi phạm tội: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ngày 16/3/2019, bị cáo thuê anh Huỳnh VA điều khiển xe mô tô biển số 68F1-160.37 đi từ thành phố K đến xã Mỹ Đức, huyện CP. Trên đường đi, bị cáo dẫn dụ VA vào nhà trọ "Yến Oanh". Tại đây, bị cáo cho VA uống thuốc ngủ nhằm chiếm đoạt tài sản là xe môtô biển số 68F1-160.37 đem bán được 19.000.000 đồng. Đến ngày 20/5/2019, bị cáo gặp ông Trịnh Văn T xin ở tạm tại chốt bảo vệ dân phố bỏ trống, khoảng 06 giờ ngày 24/5/2019, sau khi ăn sáng với ông T, bị cáo cho ông T uống thuốc ngủ, rồi chiếm đoạt xe môtô của ông T đem cầm được 2.600.000đồng.

Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú/tự thú lập ngày 26/5/2019; kết luận giám định; lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được công bố, công khai tại phiên tòa.

Từ đó, có đủ căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi sử dụng thuốc ngủ cho người chủ sở hữu đang nắm giữ tài sản uống để chiếm đoạt tài sản là 02 xe mô tô trị giá 23.200.000 đồng, bán, tiêu xài cá nhân.

Xét về tính chất hành vi mà bị cáo thực hiện đối với bị hại T thấy rằng, bị cáo đã dùng thuốc ngủ cho người đang nắm giữ tài sản uống, làm cho bị hại không thể chống cự và đã chiếm đoạt tài sản của họ. Tại kết luận giám định pháp y về hóa pháp số 190/187/210/2019/HP ngày 13/6/2019 của phân viện pháp y Quốc gia tại thành phố Hồ Chí Minh đối với bị hại xác định không tìm thấy các chất độc thông thường, nên việc bị cáo cho bị hại uống thuốc ngủ không thuộc trường hợp theo hướng dẫn tại điểm 5.1 mục 5 Phần I Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an, Bộ tư pháp hưỡng dẫn một số quy định về các tội "xâm phạm sở hữu", nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố K không truy tố bị cáo "sử dụng thủ đoạn nguy hiểm" theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 168 Bộ luật hình sự là có cơ sở. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của kiểm viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu của mỗi cá nhân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai vì muốn xâm phạm quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, giúp ích cho gia đình nhưng vì

muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã dùng thuốc ngủ để bị hại không thể chống cực được nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu, an toàn về sức khỏe của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho những người dân sống xung quanh nơi xảy ra sự việc.

[2.2] Xem xét các tình T tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong lần phạm tội này thì bị cáo đã liên tục 02 lần dùng thuốc ngủ để bị hại T và VA không thể chống cự được mà chiếm đoạt xe mô tô và tiền của bị hại.

Đồng thời, ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang, kết án 02 năm 03 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"* và *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, tổng hợp hình phạt là 03 năm tù; ngày 15/10/2019, Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh An Giang, kết án 03 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp hình phạt là 06 năm 06 tháng tù.

Vì vậy bị cáo phải chịu các tình T tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* và *"Tái phạm"*, quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, trong quá trình điều tra, tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, khắc phục một phần thiệt hại, tự nguyện khai báo lần phạm tội trước đó và phạm tội trong lúc đang mang thai. Vì vậy, bị cáo đủ điều kiện được hưởng các tình T giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, n, r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

[3] Hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, không có nghề nghiệp. Xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Số vật chứng thu giữ trong vụ án đã giao trả cho người bị hại, người đại diện cho người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại là đúng theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại, đại điện hợp pháp của bị hại đã nhận tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm, nên không xem xét;

Đối với yêu cầu của ông TN là có cơ sở, nên được chấp nhận. Xét, buộc bị cáo phải hoàn trả 19.000.000 đồng cho ông Lê Thanh TN.

[6] Những vấn đề khác:

Đối với Chau Kim G, Lê Thanh TN có hành vi mua, bán các xe mô tô với Trần Thị Bé L, nhưng không biết do phạm tội mà có. Tuy không xử lý, nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 38; Điều 50; Điều 55; Điều 56; các điểm b, n, r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 53 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo: Trần Thị Bé L phạm tội "*Cướp tài sản*";

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Bé L 04 (bốn) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của Bản án này và Bản án 36/2019/HSST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện TB. Bị cáo Trần Thị Bé L phải chịu hình phạt chung là 10 (mười) năm 06 (tháng) tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt chấp hành án (bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ 26/5/2019 đến ngày 04/7/2019).

Căn cứ các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự;

Bị cáo Trần Thị Bé L có trách nhiệm bồi thường cho Lê Thanh TN 19.000.000 (mười chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 135, 136, 333, 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Thị Bé L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1)
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1)
- Bị cáo;
- Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Đức